

Kỹ thuật nuôi cá chình

Cá Chình là loài cá có thịt ngon, có giá trị kinh tế cao, cá có khả năng thích ứng rộng với độ mặn. Chúng có thể sống cả ở nước mặn, lợ, ngọt. Cá Chình có thể được nuôi trong những ao nhỏ và vừa nên các hộ dân có thể tận dụng những ao, đĩa xung quanh nhà hoặc từ mô hình “Cải tạo vườn tạp” để phát triển nuôi loài cá này. Gần đây cá Chình được xem là đối tượng nuôi dễ, mang lại hiệu quả, ít rủi ro. Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu mô hình nuôi cá Chình trong ao đất. Trong quá trình nuôi, người nuôi cần phải chú ý đến một số đặc điểm quan trọng trong quy trình kỹ thuật nuôi như sau:

1. Thiết kế và xây dựng ao

Tùy theo điều kiện và khả năng thực tế sản xuất của nông hộ mà bố trí ao nuôi cho phù hợp. Diện tích tốt nhất là khoảng 200-1000m², nên bố trí ao nuôi dốc về phía cống thoát nước. Cần phải có ao chứa nước dự phòng để tiện trong việc, xử lý, cấp nước khi cần thiết.

Chọn ao có bờ cao hơn mặt nước từ 60 cm trở lên và xung quanh ao phải rào lưới cao 50cm để tránh cá thoát ra ngoài, bờ ao không thấm lậu, rò rỉ. Đáy ao là cát hoặc cát bùn, độ sâu từ 1,5 – 1,8m. Nên nên bố trí ống bọng bằng sành hoặc nhựa vào trong ao để cá có chỗ cư trú.

2. Cải tạo ao

Ao cần được tát cạn, sên vét bùn đáy, rải vôi CaCO₃ (vôi công nghiệp) từ 50-100kg/1000m² tùy theo pH đất.

Phơi đáy ao từ 5-7 ngày (đối với những vùng đất có phèn tiềm tàng thì bà con nên phơi 2 ngày rồi cấp nước vào để tránh hiện tượng xi phèn). Sau đó cấp nước vào đầy ao nuôi, lưu ý cần phải lọc để nước đạt độ sâu 1,5-1,8m rồi xử lý ao bằng thuốc tím 2-4kg/1000m². sau 2 ngày ta tiến hành gây màu nước để ổn định chất lượng nước trong ao, tạo nên môi trường phù hợp với tập tính sống của cá. Có thể bón phân DAP hoặc NPK (hòa tan trong nước) với liều lượng 1-2kg/1000m² hòa tan tạt vào lúc 8h sáng liên tục trong 2-3 ngày đến khi nước có màu xanh đợt chuối, độ trong 30-40cm, pH : 7.5 – 8.5 thì đạt yêu cầu.

Cá Chình thường không thích ánh sáng, cho đặt các vật như ống sành, ống nhựa hoặc thả chà khô... để chúng trú ẩn.

3. Chọn và thả giống

Chọn giống: cần chọn mua cá từ các cơ sở cung cấp giống uy tín. Cá giống khỏe, da bóng, nhiều nhớt, không bệnh tật. do nguồn giống chủ yếu được đánh bắt từ tự nhiên, cô bác cần lưu ý tránh mua cá đánh bắt bằng câu, xung điện ...khi thả thì tỷ lệ hao hụt rất cao. Có thể chọn giống cá ương tại địa phương từ cá hương lên cá 10con/kg, cá này ít hao hụt, tỷ lệ sống cao và phù hợp với điều kiện tại địa phương.

Trọng lượng cá thả tốt nhất từ 5 – 10con/kg là tốt nhất.

Mật độ thả: từ 0.5-1con/m².

4. Đặc điểm sinh học:

a. Môi trường

Cá chình là loài cá có tính thích ứng rộng với độ mặn, cá có thể sống được ở nước mặn, nước lợ, nước ngọt.

Cá thích bóng tối, sợ ánh sáng nên ban ngày chui rúc trong hang, dưới đáy ao, nơi có ánh sáng yếu, tối bò ra kiếm mồi di chuyển đi nơi khác.

Da và ruột cá có khả năng hô hấp, dưới 15° chỉ cần giữ cho da cá ẩm ướt là có thể sống được khá lâu. Trời mưa cá hoạt động rất khoẻ bò trườn khắp ao.

Cá chình là loài cá có phạm vi thích nhiệt rộng. Nhiệt độ từ 1 - 38°C cá đều có thể sống được, nhưng trên 12°C cá mới bắt đầu mồi. Nhiệt độ sinh trưởng là 13 - 30°C thích hợp nhất là 25 - 27°C.

Hàm lượng ôxy hoà tan trong nước yêu cầu phải trên 2 mg/l, 5 mg/l là thích hợp cho sinh trưởng, vượt quá 12 mg/l dễ sinh ra bệnh bọt khí.

b. Tập tính ăn và sinh trưởng:

Cá chình là loại cá ăn tạp, trong tự nhiên thức ăn của cá là tôm, cá con, động vật đáy nhỏ và côn trùng thủy sinh.

Khi còn nhỏ thức ăn chính của cá là động vật phù du nhóm Cladocera và giun ít tơ.

Sau 2 năm nuôi, cá đạt kích cỡ 50 - 200g. Nếu thức ăn tốt sau 1 năm nuôi kể từ lúc vớt ngoài tự nhiên có thể đạt cỡ 4 - 6 con/kg.

Cá sinh trưởng chậm, nhất là cỡ từ 300g trở nên tốc độ sinh trưởng chỉ bằng 1/10 tốc độ sinh trưởng của giai đoạn cá có trọng lượng 70 - 100g.

Khi còn nhỏ tốc độ sinh trưởng của cá trong đàn tương đương nhau, nhưng khi đạt chiều dài hơn 40 cm con đực lớn chậm hơn con cái.

c. Tập tính sinh sản:

Cá chình là loài cá di cư, cá mẹ đẻ ở biển sâu, cá con sau khi nở trôi dạt vào bờ biển, cửa sông, vùng nước ngọt kiếm mồi và lớn lên. Khi trưởng thành, cá lại di cư ra biển sâu để đẻ trứng.

Cá con mới lớn có hình lá liễu, sau 1 năm mới trôi dạt vào cửa sông. Trải qua nhiều biến thái hình thành cá chình hương màu trắng, cá ngược dòng sắc tố đen tăng dần thành màu đen.

Việc sinh sản nhân tạo cá chình đến nay chưa có nước nào nghiên cứu thành công. Tất cả cá giống đều dựa vào việc khai thác từ tự nhiên ngoài cửa sông hoặc ven biển. Ở nước ta cá chình phân bố nhiều từ Quảng Bình vào đến Bình Định, đặc biệt là vùng hồ Châu Trúc ở Bình Định có cá chình phân bố, hằng năm cung cấp một lượng cá giống quý cho nhân dân trong vùng để nuôi.

d. Khai thác cá chình hương:

Có ba phương pháp khai thác cá chình hương ngoài tự nhiên là :

- Dùng đèn tập trung cá theo tập tính hướng quang của nó vào ban đêm rồi dùng vợt để vớt.
- Đặt lưới đăng cố định ở cửa sông nơi có cá con phân bố để đánh bắt;
- Dùng 2 thuyền lưới vây để vây cá ở cửa sông ven biển rồi phân loại giữ lại cá chình còn cá khác thì bỏ đi.

đ. Vận chuyển cá chình hương:

Có hai phương pháp vận chuyển cá chình hương từ nơi khai thác đến nơi ương cá giống :

e. Vận chuyển bằng khay gỗ.

- Kích thước khay (dài x rộng x cao) = 60 x 40 x 15cm. Đáy khay ở dưới đục lỗ và lót lưới cho cá khỏi tuột ra ngoài, 5-6 khay chồng lên nhau thành một chồng khay, khay trên cùng đựng nước đá, nước đá chảy ra làm ướt cá ở các khay phía dưới vừa hạ nhiệt độ vừa giữ độ ẩm cho da cá, để cá hô hấp;

- Mật độ vận chuyển, với kích thước khay như trên, nếu cá hương thuộc loại còn màu trắng mỗi khay có thể vận chuyển 1,5 kg cá. Nếu cá đã chuyển sang màu đen, mỗi khay vận chuyển 2 - 4kg cá.

g. Vận chuyển bằng túi nilông có bơm ôxy

Túi 2 lớp có kích thước 33 x 33 x 70cm, sau khi cho nước, cho cá, bơm ôxy đóng túi lại cho vào thùng giấy kích thước 66 x 33 x 36 cm để vận chuyển. Mỗi thùng hai túi nilông chứa cá giữa hai túi cá là một túi đựng nước đá để hạ nhiệt cho cá.

Với việc đóng gói như trên, thời gian vận chuyển an toàn là 24 giờ.

*** Chú ý :**

+ Trước khi vận chuyển 1 ngày không cho cá ăn, cần nhốt cá vào giai, đặt chỗ nước trong, có dòng chảy để luyện 24-26 giờ cho cá quen môi trường chật hẹp;

+ Phải hạ nhiệt độ cho cá xuống 8-10°C, mới cho đóng vào túi, làm cho cá ở trạng thái ngủ, ít hoạt động, nhiệt độ hạ từ từ, không vượt quá 5 - 8°C một lần;

+ Khi đóng túi mật độ không được vượt quá chỉ tiêu trên; ôxy không được quá ít cũng không được quá nhiều đều không có lợi cho cá; không được đè vật nặng lên trên túi giấy; tính toán thời gian vận chuyển hợp lý cho mỗi lần vận chuyển; nếu thời gian vận chuyển quá dài phải mở túi ra thay nước, bơm lại ôxy; thời gian vận chuyển quá dài, mật độ vận chuyển phải giảm tương ứng;

+ Vận chuyển đến nơi, thả cả túi nilon xuống ao để nhiệt độ trong, ngoài túi bằng nhau mới mở túi cho cá ra ngoài.

6. Nuôi cá hương lên cá giống:

*Ương từ cá vớt được ngoài tự nhiên có trọng lượng 0,5 - 1 g/con lên cỡ 10 - 15 g/con. Quá trình gồm các bước:

Tiêu độc cho cá.

Dùng 1 trong 3 loại hoá chất để tiêu độc cho cá :

- KMnO₄ : 1 - 3 ppm;
- CuSO₄ : 0,3 - 0,5ppm;
- Formalin : 1 - 3 ppm.

Hoặc ngâm cá trong dung dịch nước muối 5 - 7‰, từ 1 - 2 ngày, hoặc 15 - 30 ‰ từ 15 - 30 phút.

Ao ương.

- Diện tích ao ương thứ nhất 50-100m², nước sâu từ 50-60 cm;
- Diện tích ao ương thứ hai 100 - 200m², nước sâu từ 70 - 80cm;
- Diện tích ao ương tháng thứ ba 300 - 400m², nước sâu từ 70 - 80 cm.

Nhiệt độ nước ao.

Tốt nhất là 28°C, dưới 22°C cá dễ bị bệnh nấm thủy mi bám quanh thân. Nếu nhiệt độ khống chế được ở phạm vi 25 - 29°C, cộng các điều kiện quản lý chăm sóc tốt, tỷ lệ sống có thể đạt 80 - 95% và 20% cá nuôi trong năm (từ cá hương) có thể thành cá thương phẩm.

Mật độ.

0,3 - 0,5 kg cá hương/m³ nước bề ương.

Cho ăn.

- Ngày thứ nhất đến ngày thứ hai cho ăn Cladocera;

- Ngày thứ ba đến ngày thứ tư cho ăn hồng trần;

- Ngày thứ năm cho ăn hồng trần nghiền vụn trộn với 10 - 30% thức ăn tổng hợp. Sau đó mỗi ngày tăng thêm 10% thức ăn tổng hợp đến ngày thứ 10 thức ăn tổng hợp chiếm 80%. Từ ngày thứ 15 trở đi hoàn toàn dùng thức ăn tổng hợp. Lượng thức ăn tổng hợp được tính bằng 10 - 15% trọng lượng cá trong ao, ngày cho ăn 2 lần vào lúc 7 - 8 giờ sáng và 4 - 5 giờ chiều.

Giai đoạn cho ăn hồng trần, lượng hồng trần được tính bằng 30 - 35% trọng lượng cá trong ao và ngày cho ăn 3 lần vào sáng, chiều, tối.

Nếu nhiệt độ dưới 15°C chỉ cho ăn 1 lần hoặc không cho ăn.

Khi cho ăn không sục khí, tập dần cho cá chỉ ăn ban ngày và khu vực cho cá ăn không cần che tối.

Thức ăn phải mềm cá mới ăn được nhưng không quá mềm dễ tan trong nước.

Nên thêm dầu dinh dưỡng vào thức ăn và trộn đều rồi mới cho cá ăn.

Tỷ lệ thức ăn, dầu dinh dưỡng và nước để trộn thức ăn có quan hệ mật thiết với nhiệt độ, theo bảng dưới đây:

Đơn vị : kg

Nhiệt độ	Thức ăn	Dầu	Nước
< 18°C	100	0	130
18 - 23°C	100	3-5	170
> 23°C	100	5-8	200

Quản lý chăm sóc.

Phải đảm bảo ao ương đạt các chỉ tiêu sau:

a) Các chỉ tiêu hoá học trong ao ương.

- Mặc dù có khả năng chịu đựng hàm lượng ôxy thấp rất tốt, nhưng để cá chóng lớn hàm lượng ôxy hoà tan trong nước tốt nhất phải đạt 5 mg/l trở lên, dưới 4 mg/l cá không lớn được;

- pH = 7 - 8,5;

- NH₄ - N : <2 ppm, NO₃-N : <0,2 ppm;

- Vượt quá chỉ tiêu trên cá sẽ bị bệnh viêm nang, viêm ruột;

- Độ trong trên dưới 40 cm, không được dưới 20 cm.

b) Quản lý hàng ngày.

- Hàng ngày phải xi phông đáy ao, hút bớt phân rác ở đáy ao làm giảm lượng NH₄ - N gây độc cho cá, sau đó bổ sung nước mới, lượng nước mới được bổ sung hàng ngày bằng 1/2 lượng nước trong ao;

- Đặt máy sục khí tăng ôxy hoà tan trong nước. Máy sục khí có thể dùng bơm nén khí 0,03m³/giây, mỗi máy dùng cho 40 viên đá bọt. Cứ 2,5 m³ nước dùng 1 viên đá bọt đủ đảm bảo mỗi lít nước 5 mg ôxy hoà tan.

- Hoặc có thể dùng máy quạt nước, mỗi ao đặt 2 máy 0,55 KW vừa cấp khí vừa tạo thành dòng chảy trong ao.

c) Phân loại cá để nuôi.

- Quá trình ương nuôi cá phân đàn rất nhanh nên phải phân loại kích cỡ lớn, bé để nuôi tiếp cho thích hợp, thông thường 25 - 30 ngày phân cỡ một lần, nếu cá lớn nhanh thời gian phân đàn có thể rút ngắn hơn nữa;

- Trước khi phân đàn 12 tiếng không cho cá ăn. Sau khi phân loại xong nửa tiếng cho cá ăn lại như bình thường.

d) Có thể nuôi ghép cá chình với các loại cá khác.

- Cá chình có thể nuôi với cá mè trắng, mè hoa, cá chép, cá diếc để ăn sinh vật phù du trong ao, làm sạch nước ao có lợi cho cá chình và thu thêm được sản phẩm trong ao nuôi;

- Tỷ lệ thả ghép là cứ mỗi 100m² ao ương cá chình thả thêm 4 - 5 con mè trắng, mè hoa, cá chép hoặc cá diếc.

7. Vận chuyển cá giống

Vận chuyển bằng túi nilông có bơm oxy

*** Chú ý :**

+ Trước khi vận chuyển 1 ngày không cho cá ăn, cần nhốt cá vào giai, đặt chỗ nước trong, có dòng chảy để luyện 24-26 giờ cho cá quen môi trường chật hẹp;

+ Phải hạ nhiệt độ cho cá xuống 8-10oC, mới cho đóng vào túi, làm cho cá ở trạng thái ngủ, ít hoạt động, nhiệt độ hạ từ từ, không vượt quá 5 - 8oC một lần;

+ Khi đóng túi mật độ không được vượt quá 5kg/túi; oxy không được quá ít cũng không được quá nhiều đều không có lợi cho cá; không được để vật nặng lên trên túi giấy; tính toán thời gian vận chuyển hợp lý cho mỗi lần vận chuyển; nếu thời gian vận chuyển quá dài phải mở túi ra thay nước, bơm lại oxy; thời gian vận chuyển quá dài, mật độ vận chuyển phải giảm tương ứng;

+ Vận chuyển đến nơi, thả cả túi nilon xuống ao để nhiệt độ trong, ngoài túi bằng nhau mới mở túi cho cá ra ngoài.

Trước khi thả cần dùng 1 trong 3 loại hoá chất để tắm cho cá :

- KMnO₄ : 1 - 3 ppm;

- CuSO₄ : 0,3 - 0,5ppm;

- Formalin : 1 - 3 ppm.

Hoặc ngâm cá trong dung dịch nước muối 15 - 30 ‰ từ 15 - 30 phút.

***Quản lý chăm sóc.**

Cần phải quản lý các vấn đề sau:

a) Quản lý hằng ngày:

Cá Chình là đối tượng nuôi mới, hằng ngày phải thường xuyên theo dõi quá trình hoạt động của cá để có biện pháp xử lý kịp thời khi tình huống xấu xảy ra. Theo dõi thật kỹ từ cách cho ăn đến sự biến đổi môi trường (đặc biệt pH, khí độc).

b) Quản lý thức ăn: cần tuân thủ các vấn đề sau:

Thức ăn cho cá Chình bao gồm giun, ốc, cá tạp...cần băm nhỏ cho vừa cỡ miệng cá. Để cá dễ ăn và tránh nhiễm bệnh ký sinh từ cá tạp, nên nhúng cá qua nước muối sau đó xả lại nước ngọt rồi đem cho cá ăn. Khi cá còn nhỏ, thức ăn nên xay ra để cá dễ ăn. Để quản lý thức ăn hàng đ hiệu quả cần lưu ý một vấn đề sau:

- Thức ăn cần tươi, sạch (tránh mua thức ăn đã qua ốp hóa chất).

- Phải xác định vị trí đặt sàn hợp lý.

- Phải canh thức ăn không để quá dư.(ở nhiệt độ nước khoảng 25oC lượng thức ăn cho ăn một ngày đêm từ 5 – 10% tổng trọng lượng cá trong ao. Nếu nhiệt độ thấp hơn 25oC hoặc cao hơn 34oC thì phải giảm bớt lượng cho ăn trong ngày. Thường lấy mức cá cho ăn trong 1giờ làm chuẩn, điều chỉnh lượng thức ăn sao cho cá ăn hết trong 1giờ là vừa. Do cá lớn dần nên cách 10 ngày phải tăng lượng thức ăn lên 1 lần. Tùy vào thời tiết, giai đoạn cụ thể mà điều chỉnh thức ăn cho phù hợp. Cá thường ăn mạnh vào những ngày nắng tốt, có gió và giảm ăn vào những ngày âm u có mưa, lặng gió) ..

- Phải cho ăn đúng giờ. Không nên thay đổi thức ăn một cách đột ngột mà phải thay đổi từ từ.

- Cho ăn một cử trong ngày sáng hoặc chiều mát.(sàn cho cá ăn là khung hình vuông làm bằng sắt, kích cỡ tốt nhất rộng 1m² cao 20cm, căng bằng lưới cước)

c) Quản lý môi trường:

Chủ yếu là quản lý các yếu tố:

Quản lý pH: cần khống chế ở 7.5-8.5.

Oxy hòa tan: cần duy trì từ 3mg/l trở lên

Độ trong: gây màu nước hoặc thay nước để điều chỉnh độ trong thích hợp 30-40cm.

Nhiệt độ: thích hợp tự 25-34°C.

Chúng ta thay nước khi thật sự cần thiết. Bởi vì, cá chình rất mẫn cảm với sự thay đổi môi trường. Mỗi lần thay không vượt quá 20% lượng nước trong ao.

Vào những ngày nắng nóng, tốt nhất chúng ta nên lấy nước vào lúc nửa đêm đến sáng sớm để tránh cho cá bị sốc do môi trường thay đổi đột ngột dẫn đến cá bỏ ăn, dễ sinh bệnh.

8. Một số phương pháp phòng bệnh cho cá Chình

Cá Chình là loài nuôi mới, ít có bệnh. Cá thường bỏ ăn là do yếu tố môi trường và khâu tuyển chọn giống kém chất lượng dẫn đến cá không ăn và hao hụt nhiều.

Trong quá trình nuôi, để giảm thiểu rủi ro, cần lưu ý một số vấn đề quan trọng sau:

1. Khâu tuyển chọn giống: phải chọn giống nơi uy tín, chất lượng, cá cần phải đáp ứng một số chỉ tiêu như: nhanh nhẹn, đồng cỡ, nhót nhiều, không bị xây xát, dị tật, không bị mắc cầu... tốt nhất nên chọn cá ương từ cá lá liễu lên cá giống 10 con/kg. đây là vấn đề quan trọng nhất để giảm thiểu rủi ro.

2. Ao phải được xử lý thật kỹ trước khi thả giống, phải đảm bảo tốt các yếu tố môi trường như trên.

Sau khi đã thả giống phải thường xuyên định kỳ xử lý nước 1 tháng/lần cho ao như: Virkon: 0,5kg/1000m³ nước hoặc thuốc tím 1,5kg/1000m³. Sau đó dùng Zeolite từ 5-10kg/1000m² kết hợp cấy men vi sinh để ổn định môi trường.

3. Sử dụng thức ăn tươi sống tránh hôi thối, kém chất lượng kết hợp với VitaminC để tăng cường sức đề kháng cho cá hoặc trộn Oxytetracycline để cá tăng cường hấp thu qua đường tiêu hóa.

9. Kỹ thuật nuôi cá chình thương phẩm:

a. Nuôi trong bể xây bằng gạch hoặc bằng xi măng.

Đây là hình thức nuôi cao sản, vì vậy đòi hỏi phải có các điều kiện sau đây :

- Phải có dòng nước chảy trong ao;

- Phải nuôi bằng thức ăn công nghiệp chế biến riêng cho cá chình;

- Phải được quản lý chăm sóc chu đáo;

- Mật độ 20 - 25 con/m², mật độ cao 300 - 350 con/m².

Bảo đảm các chỉ tiêu trên, năng suất có thể đạt được 30 - 45 tấn/ha (tức 3 - 4,5 kg/m²) năng suất cao có thể đạt 105 - 120 tấn/ha (tức 10,5 - 12 kg/m²).

Thức ăn nuôi cá chình phải có tỷ lệ đạm 45%, mỡ 3%, cellulose 1%, can xi 2,5%, photpho 1,3% cộng thêm muối khoáng, vi lượng, vitamin thích hợp. Nói chung tỷ lệ bột cá chiếm khoảng 70 - 75%, tinh bột 25 - 30% và một ít vi lượng, vitamin.

Thức ăn của cá có tỷ lệ bột cá khá cao, mỡ nhiều nên dễ hút ẩm, dễ mốc, phải chú ý bảo quản tốt, thời gian bảo quản không quá 2 tháng.

Cũng như với các giống, khi cho ăn, thức ăn phải được thêm nước, thêm dầu dinh dưỡng trộn đều làm thành loại thức ăn, mịn mới cho cá ăn.

Các tỷ lệ thức ăn dầu, nước, phụ thuộc vào điều kiện nhiệt độ như sau:

Đơn vị : kg

Nhiệt độ	Thức ăn	Dầu	Nước
15 - 20°C	100	3 - 5	110 - 130
20 - 23°C	100	5 - 7	110 - 130
23 - 30°C	100	7 - 10	110 - 130

Sau khi trộn đều 5 phút cho cá ăn ngay, khoảng 2/5 số thức ăn nổi trên mặt nước, 3/5 rơi xuống khay đựng thức ăn là được.

Tỷ lệ thức ăn so với trọng lượng thân cá chình ở các giai đoạn như sau:

Cỡ cá Cá bột Cá hương Cá giống Cá cỡ nhỏ Cá thương phẩm

Trọng lượng cá (g)	0,2- 0,8	1-1,5	16-40	40-100	150-200
Thức ăn (%)	6-10	4-6	3-4	2,8-3	2-2,5

Cứ sau mỗi tháng phân cỡ một lần, tách con lớn, con nhỏ nuôi riêng để cá đồng đều và chóng lớn.

Trước khi phân cỡ để cá nhịn từ 1 - 2 ngày, đưa ao để cá bài tiết hết thức ăn trong bụng, dùng sàng nhẵn để phân loại cá, dùng vợt không dùng tay bắt cá.

Quản lý nước ao như giai đoạn ương cá giống.

b. Nuôi ghép với các loài cá khác.

Có thể nuôi ghép cá chình với cá mè, cá trắm. Mật độ cá mè, cá trắm là 4.000 - 5.000 con/ha, mỗi ngày cho cá ăn 1-2% trọng lượng cá chình có trong ao, còn lại ăn động vật đáy trong ao.

*** Chú ý :**

Đáy ao là cát hoặc cát bùn. Bờ ao phải cao hơn mặt nước ít nhất là 60cm, ao không rò rỉ, nước trong sạch, pH>6,8, ít bị ảnh hưởng của nước mưa.

Không nuôi ghép trong ao cá giống mè, trắm.

Giống cá chình phải đều cỡ khoẻ mạnh, không dùng giống cá loại của năm trước để lại. Thu hoạch cá mè, cá trắm trước bằng lưới sau đó tháo cạn nước, để lại 10-20 cm để thu hoạch cá chình.

Lợi dụng đặc điểm hướng quang của cá, ban đêm thả đèn sáng tập trung cá lại rồi dùng vợt xúc. Hoặc cũng có thể dùng lưới điện để thu hoạch.

Năng suất trung bình từ 1,2 - 1,3 tấn/ha.

c. Nuôi trong ao đất.

Chọn ao có bờ cao hơn mặt nước lúc cao nhất 60 cm trở lên, phần trên bờ ao từ 60 - 80 cm, xây gạch hoặc có gờ lưới không cho cá vượt ra khỏi ao, đáy ao là cát hoặc cát bùn, bờ và đáy ao không thấm lậu, rò rỉ, tháo và lấy nước thuận tiện, gần nguồn điện để chạy máy sục khí hoặc chế biến thức ăn cho cá.

Số lượng cá giống lúc thả 120.000 - 150.000 con/ha, cỡ từ 10 - 15 g/con. Lượng thức ăn hằng ngày bằng 2-3% trọng lượng cá trong ao.

Nuôi trong ao đất không cần phân cỡ như trong bể xây, quản lý chăm sóc hàng ngày như ao nuôi cá giống, năng suất trung bình 20 - 25 tấn/ha.

Mộc Hoa Lê (sưu tầm)

Nguồn <http://vietlinh.com.vn>